

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tỉnh uỷ Cao Bằng thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050;

Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới;

Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới;

Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

II. THỰC TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1. Tình hình khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu năm 2025

a) Đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Số liệu tính đến 18/12/2025):

- Đối với đá xây dựng: Có 31 mỏ đá còn hiệu lực giấy phép khai thác với tổng trữ lượng là 18.281.919 m³, tổng công suất khai thác 1.542.233 m³ nguyên khối/năm, tương đương khoảng 2.274.794 m³ nguyên khai/năm, năm 2025 sản lượng khai thác đạt khoảng 1.065.721 m³ sản phẩm. Ngoài ra có 03 quyết định, giấy phép thu hồi khoáng sản đá VLXD thông thường với tổng công suất khai thác 178.995 m³ nguyên khai/năm và 09 bản xác nhận thu hồi khoáng sản đá làm VLXD trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình với công suất 1.360.480 m³ nguyên khai/năm.

Tổng sản lượng khai thác, sản xuất đá các loại trong năm đạt khoảng 1.238.470 m³ sản phẩm đá các loại (*chưa bao gồm sản lượng khai thác trong diện tích các dự án công trình*).

Nhìn chung, năng lực khai thác đá xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên việc phân bố các mỏ chưa đồng đều, tiến độ đưa mỏ vào khai thác còn chậm và khai thác chưa đảm bảo sản lượng theo công suất được cấp phép dẫn đến tình trạng thiếu hụt cục bộ tại một số khu vực, nhất là vào thời điểm cao điểm xây dựng.

- Đối với cát, sỏi: Có 06 mỏ cát, sỏi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác tổng trữ lượng là 4.693.071 m³, tổng công suất khai thác là 561.991 m³ nguyên khối/năm, sản lượng khai thác, sản xuất năm 2025 đạt 302.975 m³ sản phẩm. Ngoài ra có 02 giấy phép cho phép thu hồi khoáng sản cát, sỏi với công suất 61.505 m³ nguyên khối/năm và 5 mỏ khai thác đá sản xuất cát nghiền với sản lượng sản xuất 110.774 m³.

Nguồn cung cát sông tự nhiên, cát đồi còn hạn chế; sản lượng cát nghiền đã góp phần bổ sung nguồn cung nhưng chưa ổn định, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu, đặc biệt là cát trát phục vụ hoàn thiện công trình.

- Đối với đất san lấp: 04 mỏ đất san lấp với trữ lượng là 2.212.948 m³, công suất khai thác là 1.951.857 m³ nguyên khai/năm; 05 Quyết định thu hồi đất san lấp đi kèm với công suất 156.950 m³ nguyên khai/năm và 17 bản xác nhận thu hồi khoáng sản đất san lấp trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình.

Cơ bản đáp ứng nhu cầu khi các Chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình xin cấp đăng ký, cấp phép cung ứng tại chỗ cho các dự án theo cơ chế đặc thù và Luật Địa chất và Khoáng sản, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt cục bộ khi triển khai đồng loạt các dự án lớn.

b) Sản xuất vật liệu xây (gạch):

- Gạch tuynel: Trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị sản xuất với 04 dây chuyền, tổng công suất thiết kế 106 triệu viên gạch quy tiêu chuẩn (QTC)/năm. Năm 2025 sản xuất được khoảng 90,75 triệu viên, sản lượng tiêu thụ khoảng 84,06 triệu viên.

- Gạch không nung: Toàn tỉnh có khoảng 79 cơ sở sản xuất gạch không nung (chủ yếu là gạch xi măng cốt liệu), bao gồm Doanh nghiệp, Hợp tác xã và các Hộ kinh doanh, tổng công suất thiết kế khoảng 151 triệu viên/năm. Năm 2025, tổng sản lượng gạch không nung sản xuất đạt khoảng 68 triệu viên QTC.

Nhìn chung, năng lực sản xuất gạch cơ bản đáp ứng nhu cầu trên địa bàn.

c) Sản xuất Xi măng: Trên địa bàn tỉnh có 01 trạm nghiền xi măng còn hoạt động là Trạm nghiền xi măng của Công ty Cổ phần xi măng – Xây dựng công trình Cao Bằng, với công suất thiết kế 85.000 tấn/năm. Năm 2025, sản lượng sản xuất đạt khoảng 20.000 tấn; nguồn clinker phục vụ sản xuất được cung cấp từ Nhà máy xi măng Lạng Sơn.

Năng lực sản xuất xi măng trên địa bàn còn thấp, phụ thuộc lớn vào nguồn cung từ ngoại tỉnh.

d) Về vật liệu lợp: Hoạt động sản xuất vật liệu lợp trên địa bàn chủ yếu là các cơ sở sản xuất tôn gia công với công suất thiết kế trung bình mỗi cơ sở từ 50.000 - 150.000 m²/năm, các cơ sở phân bố tại trung tâm các huyện (cũ) hoặc khu vực đông dân cư để phục vụ nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tấm lợp kim loại được dùng phổ biến trong lợp mái nhà, công trình phụ, lợp sân, bao che

cho các công trình xây dựng. Tôn cuộn được nhập từ nguồn chính tôn Hoa Sen, Đông Á, Phương Nam... sau đó bằng máy cán của các cơ sở gia công để tạo hình sóng cho tấm tôn, với các loại sóng nhất định hoặc tạo hình thành ngói lợp tùy theo yêu cầu. Theo số liệu thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 21 cơ sở cán tôn, nằm rải rác ở khu vực trung tâm, đông dân cư của các huyện, thành phố Cao Bằng (cũ) trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra còn sản phẩm ngói đất sét nung hay còn gọi là ngói âm dương là sản phẩm đặc trưng của xóm Lũng Rỳ, xã Tự Do, huyện Quảng Hoà (nay là xã Hạnh Phúc), tỉnh Cao Bằng. Ngói được nung thủ công, thường được sử dụng cho các công trình nhà cấp 4, sửa chữa cải tạo các công trình di tích đình chùa hoặc một phần phục vụ cho các công trình biệt thự, resort được xây dựng trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thống kê, hiện trên địa bàn xã Tự Do, có 17 hộ tư nhân đang sản xuất ngói âm dương, công suất sản xuất nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình... Sản lượng ngói trung bình trên địa bàn tỉnh hàng năm đạt khoảng 100.000 - 120.000 viên/năm.

Nguồn cung vật liệu lợp (tôn gia công) chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu sản xuất nhập từ ngoài tỉnh; hoạt động sản xuất, gia công trong tỉnh còn nhỏ lẻ, phân tán. Sản phẩm ngói âm dương mang tính truyền thống, đặc trưng địa phương nhưng quy mô sản xuất còn hạn chế.

đ) Bê tông thương phẩm: Trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp đang sản xuất bê tông thương phẩm với tổng công suất thiết kế khoảng 600 m³/giờ; sản lượng trung bình của các trạm trộn bê tông trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 550.000 - 600.000 m³/năm. Hiện nay các trạm trộn cung ứng bê tông tươi cho các dự án công trình nhà nước và của người dân, góp phần bảo đảm chất lượng bê tông trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên sự phân bố của các trạm trộn này không đồng đều, chủ yếu tập trung tại các phường Thục Phán và các huyện cũ (Hòa An, Thạch An, Quảng Hòa), phân bố các trạm trộn chưa đồng đều, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu tại các khu vực xa.

e) Bê tông nhựa nóng Asphalt: Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 03 doanh nghiệp sản xuất bê tông nhựa nóng Asphalt (01 trạm tại phường Thục Phán; 01 trạm tại phường Tân Giang và 01 trạm tại xã Thạch An), với công suất thiết kế của mỗi trạm khoảng 90 tấn/giờ. Hàng năm cung ứng bê tông nhựa cho cải tạo sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng

Theo Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, dự báo nhu cầu VLXD tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, như sau:

TT	Loại VLXD	Đơn vị	Nhu cầu VLXD			
			Năm 2025	Giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2030	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Xi măng	nghìn tấn	471	2.357	589	2.943
2	Vật liệu xây	triệu viên	481	2.403	632	3.158
3	Vật liệu lợp	nghìn m ²	1.982	9.912	2.495	12.474
4	Đá XD	nghìn m ³	1.125	5.627	1.421	7.104
5	Cát XD	nghìn m ³	855	4.276	1.091	5.457
6	Vật liệu ốp lát	nghìn m ²	1.639	8.194	2.046	10.230
7	Sứ vệ sinh	nghìn SP	78	388	98	492
8	Kính XD	nghìn m ²	413	2.065	501	2.506
9	Bê tông	triệu m ³	-	6,65	-	8,16
10	Vật liệu san lấp	triệu m ³	Giai đoạn 2021 - 2030			
			2,0 – 2,8			

- Về Xi măng chưa đáp ứng đủ nhu cầu trên địa bàn tỉnh, còn phải nhập từ các tỉnh khác (Thanh Hóa; Ninh Bình;...).

- Về vật liệu xây: Mặc dù dự báo nhu cầu sử dụng vật liệu xây khá cao, tuy nhiên qua rà soát, theo dõi nhận thấy cơ bản sản lượng sản xuất gạch tuynel và gạch không nung đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh, một số cơ sở kinh doanh nhập gạch tuynel ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh cũ lên tiêu thụ, nhưng số lượng ít, không đáng kể.

- Về khoáng sản làm vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, đất làm vật liệu san lấp): Nhìn chung sản lượng khai thác, sản xuất của các mỏ cát, đá, sỏi, đất làm vật liệu san lấp và các khu vực được cấp đăng ký khai thác cơ bản đáp ứng nhu cầu của các dự án và trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng thiếu vật liệu xây dựng cục bộ (đá xây dựng) diễn ra tại thời điểm quý IV hàng năm tại các huyện, xã Miền Tây của tỉnh (các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm cũ) và tình trạng một số mỏ được cấp giấy phép khai thác xong trong năm khai thác sản xuất công suất thấp hoặc không khai thác, sản xuất đảm bảo sản lượng đạt theo công suất giấy phép được cấp gây khan hiếm cục bộ tại thời điểm, ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình trên địa bàn tỉnh.

- Về vật liệu lợp, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa: Cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên đối với chủng loại này cần định hướng phát triển thêm các cơ sở, nhà máy ở các xã, phường để đảm bảo nhu cầu sử dụng trong thời gian tới.

3. Khó khăn, tồn tại

a) Khó khăn khách quan

Tỉnh Cao Bằng đặc thù địa hình phức tạp, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn; đồng thời chịu yêu cầu về bảo vệ cảnh quan, môi trường của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; nhiều khu vực có tiềm năng khoáng sản (đặc biệt là đá vôi) nằm trong quy hoạch rừng phòng hộ, rừng tự nhiên nên hạn chế khả năng khai thác.

Bên cạnh đó, các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng còn phân tán, quy mô nhỏ lẻ; năng lực tài chính, năng lực đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ còn hạn chế; trình độ quản lý, tổ chức sản xuất chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

b) Chính sách, cơ chế, chính quyền địa phương 2 cấp:

Trong những năm gần đây, hàng loạt các chính sách quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng đã thay đổi nhằm phù hợp hơn với yêu cầu phát triển mới của đất nước, hướng tới mục tiêu phát thải ròng ngành xây dựng bằng 0 vào năm 2050 cũng như minh bạch hóa dữ liệu về sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Mặt khác Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tỉnh uỷ Cao Bằng ban hành Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới.

Đồng thời việc sắp xếp hoạt động tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp cùng với việc sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ các Bộ, ngành đòi hỏi các Chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực cần phải được rà soát, cập nhật kịp thời bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

c) Khó khăn trong công tác Quy hoạch:

Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Cao Bằng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên trong quá trình triển khai đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể: Một số mỏ có trong quy hoạch còn xảy ra tình trạng chồng chéo với các quy hoạch chuyên ngành khác như quy hoạch rừng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng...; Diện tích một số các mỏ quy hoạch trước đây có diện tích nhỏ, chưa đáp ứng được yêu cầu khai thác, sản xuất lớn, lâu dài, chưa phù hợp thực tế, khó xác định khu phụ trợ phục vụ khai thác, sản xuất; Chưa chú trọng quy hoạch khu sản xuất vật liệu xây dựng thông thường theo hướng tập trung với quy mô lớn, đa dạng sản phẩm.

Một số bất cập nêu trên đã gây khó khăn cho các nhà đầu tư khi triển khai các dự án đầu tư khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng khan hiếm cục bộ vật liệu xây dựng tại thời điểm (nhất là vào các tháng cuối năm) trên địa bàn tỉnh.

Do đó, công tác quản lý quy hoạch, khai thác và phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu ngày càng cao, đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm bảo đảm vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

d) Về Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng:

Một số nội dung của Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, đã được phê duyệt hiện không còn phù hợp do thay đổi cơ sở pháp lý, các giả định tính toán nhu cầu vật liệu xây dựng; xuất hiện tình trạng mất cân đối cung – cầu vào từng thời điểm, một số chủng loại vật liệu xây dựng mới cần được cập nhật bổ sung sau khi thực hiện sáp nhập các Bộ, ngành và đảm bảo phân cấp đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Do đó cần rà soát, điều chỉnh Kế hoạch nhằm bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cân đối cung – cầu vật liệu xây dựng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Một số vướng mắc trong triển khai các thủ tục đầu tư:

Các thủ tục đầu tư hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng còn nhiều quy trình thủ tục, nhiều bước, chịu sự tác động bởi nhiều Luật; một số quy định còn chòng chéo, dẫn đến thời gian thực hiện kéo dài, chi phí lớn gây khó khăn cho việc đầu tư khai thác, sản xuất khoáng sản làm vật liệu xây dựng chưa thu hút được nhiều các Doanh nghiệp, Nhà đầu tư.

Bên cạnh đó vật liệu xây dựng không thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định của Luật giá, giá cả vận hành theo cơ chế thị trường, phụ thuộc vào quan hệ cung – cầu, tiềm ẩn biến động theo từng thời điểm.

e) Tăng trưởng ngành xây dựng và nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao:

Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp và xây dựng năm 2025 đạt khoảng 14,5 % và dự báo tiếp tục tăng trong các năm tới. Đồng thời, nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh dự báo tăng mạnh do chuẩn bị triển khai đồng loạt nhiều dự án trọng điểm về hạ tầng, giao thông, đô thị quy mô lớn như: dự án cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) cả 02 giai đoạn, cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng, đường Hồ Chí Minh đoạn Pác Bó - trung tâm tỉnh Cao Bằng, cải tạo nâng cấp đường đến khu du lịch Thác Bản Giốc, đường tránh đi cửa khẩu Lý Vạn, xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 1.000 giường bệnh, hệ thống 21 trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới, các dự án Nhà ở xã hội tại các phường...

f) Vướng mắc trong thực hiện các thủ tục hành chính:

Mặc dù đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, tuy nhiên việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản vẫn còn gặp khó khăn tại các khâu như: chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường và các thủ tục khác.

Điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ cấp phép và đưa mỏ vào khai thác, cung ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn.

4. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được

Trong thời gian qua hoạt động đầu tư khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được các cấp uỷ, chính quyền, các sở, ngành và địa phương quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định. Sản lượng khai thác, sản xuất một số chủng loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển kết cấu hạ tầng và xây dựng nhà ở của Nhân dân.

Hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng được triển khai tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh, với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân thuộc nhiều thành phần kinh tế. Hoạt động này không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng, mà còn tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động địa phương, đặc biệt là lao động nông nhân tại khu vực sống gần các cơ sở, nhà máy khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng.

b) Tồn tại, hạn chế

Nhìn chung, hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế về quy hoạch, năng lực sản xuất, phân bổ nguồn cung và các thủ tục đầu tư.

Các chủng loại vật liệu chủ yếu như đá các loại, gạch tuynel, gạch không nung được sản xuất trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng, tuy nhiên thời điểm cuối năm hay xảy ra tình trạng nguồn cung ứng đá xây dựng chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường tại các xã Miền Tây của tỉnh (Bảo Lạc; Bảo Lâm); một số loại vật liệu như cát xây dựng, xi măng,... năng lực khai thác, sản xuất còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu, phải nhập khẩu từ các tỉnh khác, đặc biệt là cát trát phục vụ công tác hoàn thiện công trình.

c) Nguyên nhân của các tồn tại hạn chế

Điều kiện địa hình, tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường hạn chế đến khả năng khai thác; Quy hoạch còn chồng chéo, chưa đồng bộ với các quy hoạch khác; Thủ tục đầu tư còn phức tạp, kéo dài; Năng lực của một số doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

d) Đánh giá tổng thể

Là tỉnh miền núi phía Bắc, Cao Bằng có tiềm năng về tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng tương đối phong phú, trong đó nổi bật là nguồn đá vôi phục vụ sản xuất đá xây dựng, cát nghiền, gạch không nung; nguồn đất đồi, núi phục vụ san lấp mặt bằng. Nhìn chung, hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

Trong bối cảnh nhu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đô thị, giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, đặc biệt là việc triển khai đồng loạt các dự án trọng điểm quy mô lớn, cùng với tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp và

xây dựng năm 2025 đạt khoảng 14,5%, dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng sẽ tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Do đó, cần định hướng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch và phát triển hợp lý các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng nhằm bảo đảm cân đối cung – cầu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tỉnh uỷ Cao Bằng ban hành Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 phù hợp với thực tiễn của tỉnh; bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp xã; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, quản lý, phát triển vật liệu xây dựng giai đoạn 2026-2030.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng bảo đảm phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, quốc phòng – an ninh; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất; Chủ động bảo đảm cân đối cung – cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, kịp thời khắc phục tình trạng thiếu hụt cục bộ vật liệu xây dựng thông thường (nhất là đá xây dựng), ưu tiên bảo đảm nguồn cung phục vụ các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh như cao tốc, hạ tầng kỹ thuật, không để xảy ra tình trạng gián đoạn thi công do thiếu vật liệu; nâng cao năng lực tự chủ nguồn cung vật liệu trên địa bàn tỉnh.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong toàn bộ chuỗi từ thăm dò, khai thác, chế biến đến tiêu thụ; tăng cường điều hành cung - cầu, bình ổn thị trường vật liệu xây dựng; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp gắn với phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới, vật liệu tái chế; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, giảm phát thải; thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Trung ương và của Tỉnh uỷ; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch ngành có liên quan và kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021–2030, định hướng đến năm 2050.

b) Xác định rõ nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của các Sở, ban, ngành, UBND các cấp đối với quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, phù hợp mô hình tổ chức bộ máy sau sắp xếp, tinh gọn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch trong cấp phép, khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

c) Xác định nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030; quy định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành và cơ chế; gắn trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành vật liệu xây dựng của tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thân thiện môi trường; bảo đảm chủ động nguồn cung, ổn định thị trường, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các dự án trọng điểm.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm nguồn cung khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đá, vật liệu san lấp), vật liệu xây dựng chủ yếu (gạch tuynel, gạch không nung, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa) đáp ứng nhu cầu cho các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn; khắc phục tình trạng thiếu hụt cục bộ vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng tại khu vực miền Tây của tỉnh.

- Trong năm 2026, đưa vào khai thác, sản xuất đối với 10 mỏ đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng (gồm: 07 mỏ đá, 02 mỏ cát sỏi đồi và 01 mỏ đất san lấp).

- Đến năm 2030:

+ Tăng năng lực cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tối thiểu 25%/năm so với năm 2025.

+ Duy trì đầu giá quyền khai thác khoáng sản hằng năm đạt: 03 mỏ đá, 02 mỏ đất san lấp, 01 mỏ cát đồi;

+ Duy trì cấp phép mới hằng năm đạt: 03 mỏ đá, 02 mỏ đất san lấp, 01 mỏ cát đồi;

+ Hình thành ít nhất 02 khu vực khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng tập trung, gắn với hạ tầng đồng bộ và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm nguồn cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, đá, cát sỏi) phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là dự án đường bộ Cao tốc.

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Tăng cường tỷ lệ sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng đảm bảo theo quy định, từng bước giảm tiêu hao tài nguyên, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất vật liệu xây dựng.

- Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyên đổi số trong quản lý khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Trong giai đoạn 2026–2030, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo nguyên tắc: rõ nội dung, rõ cơ quan chủ trì, rõ sản phẩm, rõ tiến độ và rõ trách nhiệm; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và kiểm soát được kết quả thực hiện.

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành vật liệu xây dựng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước

a) Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tỉnh uỷ Cao Bằng, làm rõ yêu cầu, quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm; đưa nội dung quản lý, phát triển vật liệu xây dựng vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030 của cấp uỷ, chính quyền các cấp; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

b) Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, thân thiện với môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận, hạn chế tác động tiêu cực đến thị trường vật liệu xây dựng.

c) Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan lĩnh vực vật liệu xây dựng.

2. Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng

a) Về Văn bản quy phạm pháp luật: Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành điều chỉnh quy định về quản lý vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng; điều chỉnh quy định về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn đầu mối quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu xây dựng.

b) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quy hoạch lâm nghiệp, chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh: Bảo đảm thống nhất đồng bộ, không để xảy ra chồng lấn, xung đột với quy hoạch lâm nghiệp, chỉ tiêu sử dụng đất và các quy hoạch khác, khắc phục tình trạng chồng chéo, vướng mắc trong cấp phép.

c) Lập quy hoạch chung các xã, phường đảm bảo phù hợp với quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong quy hoạch tỉnh Cao Bằng.

d) Rà soát điều chỉnh Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050: Bảo đảm dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng theo từng năm, từng khu vực, sát với thực tế; gắn với tiến độ các dự án trọng điểm; làm cơ sở điều hành cung – cầu, cấp phép, đấu giá, khai thác, sản xuất và phân phối vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Đánh giá toàn diện tình hình khai thác, sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2021–2025;

- Làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Dự báo nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề xuất các định hướng và giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo;

- Phân tích khả năng đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho các dự án đầu tư xây dựng trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn tới, nhất là các dự án giao thông có quy mô lớn.

- Đánh giá mức độ phù hợp của hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với các định hướng phát triển kinh tế – xã hội, phát triển hạ tầng, phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn của tỉnh và của quốc gia.

- Đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách, quy hoạch, công nghệ, tổ chức sản xuất và quản lý nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Phương án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 (Phương án phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng cụ thể: xi măng; gạch gốm ốp lát; đá ốp lát (khai thác, chế biến đá ốp lát tự nhiên, đá ốp lát nhân tạo); sứ vệ sinh; kính xây dựng; vôi công nghiệp; gạch đất sét nung; vật liệu xây không nung; vật liệu lợp; bê tông (bê tông thương phẩm, bê tông cấu kiện, bê tông asphalt); khai thác chế biến đá xây dựng; cát xây dựng (cát tự nhiên; cát nhân tạo); vật liệu san lấp; phế thải ngành xây dựng và ngành khai thác quặng kim loại và các loại vật liệu khác).

- Rà soát điều chỉnh nhiệm vụ của cấp xã, cấp tỉnh theo chính quyền địa phương hai cấp.

đ) Tham mưu triển khai cơ chế đặc thù, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật địa chất và khoáng sản bảo đảm nguồn cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, đá, cát sỏi) phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là dự án đường bộ Cao tốc. Nghiên cứu, đề xuất áp dụng cơ chế linh hoạt trong cấp phép, điều chỉnh công suất khai thác các mỏ vật liệu xây dựng thông thường nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế.

e) Xây dựng Giải pháp chuẩn hoá, tháo gỡ, đẩy nhanh việc cấp phép Vật liệu nổ cho các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; đảm bảo Việc cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải

được thực hiện đồng bộ, kịp thời sau khi cấp phép khai thác khoáng sản, không làm gián đoạn hoạt động khai thác của doanh nghiệp.

f) Đẩy nhanh tiến độ, phân đấu giải quyết các thủ tục hành chính trước thời hạn mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt trong cấp phép thăm dò; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; công khai quy trình, thời hạn giải quyết trên môi trường điện tử; Xác định rõ trách nhiệm từng cơ quan trong giải quyết thủ tục; xử lý nghiêm các trường hợp chậm trễ, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

3. Phát triển vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, gắn với việc triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

a) Ưu tiên phát triển các loại vật liệu xây dựng có lợi thế như: đá xây dựng, cát nghiền, đất san lấp, gạch xây, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng, đá ốp lát tự nhiên, thép, ...; Khuyến khích phát triển vật liệu xây dựng xanh, vật liệu tái chế như: vật liệu sinh khối (tre, gỗ), vật liệu xây không nung, vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp điều kiện địa hình, khí hậu Cao Bằng đáp ứng nhu cầu thị trường.

b) Đối với những dự án khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng đang hoạt động khai thác hoặc đang đầu tư xây dựng: khuyến khích đầu tư dây chuyền khai thác, chế biến đá xây dựng sử dụng công nghệ tiên tiến, công suất lớn (từ 50.000 m³ đá nguyên khối/năm trở lên); kết hợp khai thác, sản xuất đá xây dựng với sản xuất cát nghiền nhân tạo, gạch không nung, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng, cấu kiện bê tông nhằm tận dụng nguyên liệu, giảm ô nhiễm môi trường.

c) Hoàn thiện các thủ tục đầu tư, cấp giấy phép và đưa vào khai thác, sản xuất đối với 10 mỏ đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng (gồm: 07 mỏ đá, 02 mỏ cát sỏi đồi và 01 mỏ đất san lấp). Tăng nguồn cung ứng, bảo đảm cân đối cung - cầu vật liệu xây dựng, kịp thời điều tiết, khắc phục tình trạng thiếu hụt đá cục bộ, nhất là tại khu vực miền Tây của tỉnh.

d) Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng hàng năm, ưu tiên đấu giá các mỏ có diện tích, trữ lượng công nghiệp; phân đấu đến năm 2030, mỗi năm đấu giá thành công: 03 mỏ đá (trong đó có mỏ tại khu vực miền Tây của tỉnh); 02 mỏ đất san lấp; 01 mỏ cát đồi.

đ) Tăng cường điều tra cơ bản, đẩy mạnh cấp phép thăm dò, khai thác, nâng cao năng lực cung ứng: Tăng tối thiểu 25% năng lực cung ứng vật liệu xây dựng thông thường hằng năm so với năm 2025; đến năm 2030, mỗi năm cấp phép mới: 03 mỏ đá (trong đó có mỏ tại khu vực miền Tây của tỉnh); 02 mỏ đất san lấp; 01 mỏ cát đồi.

e) Khuyến khích hình thành ít nhất 02 khu vực chế biến khoáng sản tập trung, hiệu quả, giảm thất thoát, tiết kiệm tài nguyên. Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Ứng dụng triệt để các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu thay thế, giảm phát thải. Loại bỏ các công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, gây ô nhiễm, thâm dụng tài nguyên.

f) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Triển khai cơ chế để thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; khuyến khích các doanh nghiệp tự nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu mới, thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu tái chế, phế thải, sử dụng nhiệt thừa và năng lượng tái tạo.

b) Triển khai ứng dụng rộng rãi công nghệ số trong kiểm soát chất lượng, quản lý sản xuất, logistics, giám sát, quan trắc môi trường trực tuyến, kết nối cơ sở dữ liệu với cơ quan quản lý trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

c) Kịp thời tham mưu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin toàn tỉnh liên thông, đồng bộ, thống nhất về vật liệu xây dựng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đá, vật liệu san lấp,...).

d) Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

5. Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế và phát triển thị trường

a) Thúc đẩy tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, nâng cao trình độ quản trị và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong tỉnh.

b) Theo dõi, dự báo và thông tin kịp thời diễn biến tình hình cung cầu, thị hiếu về vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Quản lý hiệu quả hoạt động nhập khẩu vật liệu xây dựng, nhất là các sản phẩm trong tỉnh đã sản xuất được.

c) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia chuỗi cung ứng trong nước, đầu tư ra nước ngoài, hợp tác phát triển các dự án, tham gia hội chợ, giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm để mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường năng lực phòng vệ thương mại.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn; định kỳ tổng hợp báo cáo hằng năm, năm 2030 tổng kết đánh giá kết quả thực hiện của các Sở, ban, ngành, địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, chủ trì quản lý hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng; tham mưu cấp phép thăm dò, khai thác, các thủ tục về đất đai, môi trường, chuyên mục đích sử dụng rừng; kiểm soát trữ lượng, công suất, sản lượng khai thác theo quy định.

3. Sở Công thương chủ trì quản lý vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm việc cấp phép sử dụng vật liệu nổ phục vụ khai thác khoáng sản được thực hiện kịp thời, đồng bộ; Theo dõi, quản lý hoạt động lưu thông, phân phối vật liệu xây dựng; phối hợp kiểm soát thị trường, giá cả vật liệu xây dựng; Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm để tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, phát triển thị trường vật liệu xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức quản lý hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển vật liệu xây dựng trên địa bàn; Chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình cung - cầu, kịp thời báo cáo Sở Xây dựng khi có phát sinh biến động bất thường; Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo phân công tại Phụ lục Kế hoạch này chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng; định kỳ báo cáo Sở Xây dựng về kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

6. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện các Kế hoạch, giải pháp được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn hợp pháp khác; Các cơ quan, đơn vị chủ động lập dự toán, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm theo quy định.

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 84-KH/TU NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2026 CỦA TỈNH ỦY CAO BẰNG THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 03-CT/TW NGÀY 03 THÁNG 02 NĂM 2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành vật liệu xây dựng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước				
a)	Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 01/4/2026 của Tỉnh uỷ Cao Bằng, làm rõ yêu cầu, quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm; đưa nội dung quản lý, phát triển vật liệu xây dựng vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030 của cấp uỷ, chính quyền các cấp; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện	Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường.	Sở Xây dựng	Văn bản/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên
b)	Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, thân thiện với môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận, hạn chế tác động tiêu cực đến thị trường vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Báo và Phát thanh, Truyền hình Cao Bằng; Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường;	Văn bản/Kế hoạch triển khai/ Tài liệu truyền thông	Thường xuyên
c)	Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan lĩnh vực vật liệu xây dựng	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường.	Văn bản/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên

2	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng				
a)	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành điều chỉnh quy định về quản lý Vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng, trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn đầu mối quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp; Các Sở, ban ngành liên quan; UBND các xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật	2026-2027
b)	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành điều chỉnh quy định về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, kiện toàn đầu mối quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; Các Sở, ban ngành liên quan; UBND các xã, phường	Văn bản quy phạm pháp luật	2026-2027
c)	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quy hoạch lâm nghiệp, chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh: Bảo đảm thống nhất đồng bộ, không để xảy ra chồng lấn, xung đột với quy hoạch lâm nghiệp, chỉ tiêu sử dụng đất và các quy hoạch khác	Sở Tài chính	Các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	2026
d)	Lập quy hoạch chung các xã, phường đảm bảo phù hợp với quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong quy hoạch tỉnh Cao Bằng	UBND các xã, phường	Các Sở, ban ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2026
đ)	Rà soát điều chỉnh Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050: Bảo đảm dự báo nhu cầu vật liệu xây dựng theo từng năm, từng khu vực, sát với thực tế; gắn với tiến độ các dự án trọng điểm; làm cơ sở điều hành cung – cầu, cấp phép, đấu giá, khai thác, sản xuất và phân phối vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành liên quan; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	2026
e)	Tham mưu triển khai cơ chế đặc thù, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật địa chất và khoáng sản bảo đảm nguồn cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, đá, cát sỏi) phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là dự án đường bộ Cao tốc. Nghiên cứu, đề xuất áp dụng cơ chế linh hoạt trong cấp phép, điều chỉnh công suất khai thác các mỏ vật liệu xây dựng thông thường nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Hướng dẫn/ Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	Thường xuyên

f)	Giải pháp chuẩn hoá, tháo gỡ, đẩy nhanh việc cấp phép Vật liệu nổ cho các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Công thương	Công an tỉnh; các Sở ngành có liên quan	Giải pháp/Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	2026
g)	Đẩy nhanh tiến độ, phân đấu giải quyết các thủ tục hành chính trước thời hạn mà UBND đã phê duyệt trong cấp phép thăm dò; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; công khai quy trình, thời hạn giải quyết trên môi trường điện tử; Xác định rõ trách nhiệm từng cơ quan trong giải quyết thủ tục; xử lý nghiêm các trường hợp chậm trễ, gây phiền hà cho doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành liên quan	Thủ tục hành chính/ Giải pháp/ Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	2026
3	Phát triển vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, gắn với việc triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm				
a)	Ưu tiên phát triển các loại vật liệu xây dựng có lợi thế như: đá xây dựng, cát nghiền, đất san lấp, gạch xây, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng, đá ốp lát tự nhiên, thép,...; Khuyến khích phát triển vật liệu xây dựng xanh, vật liệu tái chế như: vật liệu sinh khối (tre, gỗ), vật liệu xây không nung, vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp điều kiện địa hình, khí hậu Cao Bằng đáp ứng nhu cầu thị trường	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường UBND các xã, phường; các Hiệp hội; doanh nghiệp;	Kế hoạch/ Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	2026-2030
b)	Đối với những dự án khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng đang hoạt động khai thác hoặc đang đầu tư xây dựng: khuyến khích đầu tư dây chuyền khai thác, chế biến đá xây dựng sử dụng công nghệ tiên tiến, công suất lớn (từ 50.000 m ³ đá nguyên khối/năm trở lên); kết hợp khai thác, sản xuất đá xây dựng với sản xuất cát nghiền nhân tạo, gạch không nung, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng, cấu kiện bê tông nhằm tận dụng nguyên liệu, giảm ô nhiễm môi trường	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các xã, phường	Quyết định chủ trương đầu tư/ Văn bản thẩm định đầu tư	Thường xuyên
c)	Hoàn thiện các thủ tục đầu tư, cấp giấy phép và đưa vào khai thác, sản xuất đối với 10 mỏ đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng (gồm: 07 mỏ đá, 02 mỏ cát sỏi đồi và 01 mỏ đất san lấp). Tăng nguồn cung ứng, bảo đảm cân đối cung – cầu vật liệu xây dựng, kịp thời điều tiết, khắc phục tình trạng thiếu hụt cục bộ, nhất là tại khu vực miền Tây của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/Giải pháp/Giấy phép khai thác	2026

d)	Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng hàng năm, ưu tiên đầu giá các mỏ có diện tích, trữ lượng công nghiệp; phấn đấu đến năm 2030, mỗi năm đầu giá thành công: 03 mỏ đá (trong đó có mỏ tại khu vực miền Tây của tỉnh); 02 mỏ đất san lấp; 01 mỏ cát đồi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành có liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Hàng năm
đ)	Tăng cường điều tra cơ bản, đẩy mạnh cấp phép thăm dò, khai thác, nâng cao năng lực cung ứng: Tăng tối thiểu 25% năng lực cung ứng vật liệu xây dựng thông thường hàng năm so với năm 2025; đến năm 2030, mỗi năm cấp phép mới: 03 mỏ đá (trong đó có mỏ tại khu vực miền Tây của tỉnh); 02 mỏ đất san lấp; 01 mỏ cát đồi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh/ Giấy phép hoạt động khoáng sản	Thường xuyên
e)	Khuyến khích hình thành 02 khu vực chế biến khoáng sản tập trung, hiệu quả, giảm thất thoát, tiết kiệm tài nguyên. Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Ứng dụng triệt để các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu thay thế, giảm phát thải. Loại bỏ các công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, gây ô nhiễm, thâm dụng tài nguyên	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên
f)	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường	Thanh tra tỉnh Sở Xây dựng Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Báo cáo	Thường xuyên
4	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao				
a)	Triển khai cơ chế để thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; khuyến khích các doanh nghiệp tự nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu mới, thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu tái chế, phế thải, sử dụng nhiệt thừa và năng lượng tái tạo.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường; doanh nghiệp	Văn bản/ Báo cáo/ Hội thảo	Thường xuyên;

b)	Triển khai Ứng dụng rộng rãi công nghệ số trong kiểm soát chất lượng, quản lý sản xuất, logistics, giám sát, quan trắc môi trường trực tuyến, kết nối cơ sở dữ liệu với cơ quan quản lý trong lĩnh vực vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường; doanh nghiệp	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên;
c)	Kịp thời tham mưu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin toàn tỉnh liên thông, đồng bộ, thống nhất về vật liệu xây dựng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đá, vật liệu san lấp,...)	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	2026-2028
d)	Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường; doanh nghiệp	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên;
5	Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế và phát triển thị trường				
a)	Thúc đẩy tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, nâng cao trình độ quản trị và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường; doanh nghiệp	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên
b)	Theo dõi, dự báo và thông tin kịp thời diễn biến tình hình cung cầu, thị hiếu về vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Quản lý hiệu quả hoạt động nhập khẩu vật liệu xây dựng, nhất là các sản phẩm trong tỉnh đã sản xuất được	Sở Xây dựng	Sở Công Thương; Sở Ngoại vụ; doanh nghiệp và các Sở ngành có liên quan	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên
c)	Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia chuỗi cung ứng trong nước, đầu tư ra nước ngoài, hợp tác phát triển các dự án, tham gia hội chợ, giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm để mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường năng lực phòng vệ thương mại	Sở Công thương	Sở Xây dựng và các Sở ngành có liên quan	Văn bản chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên